

HINDU GIÁO - MỐI QUAN HỆ “BA TRONG MỘT” VỚI VEDA GIÁO VÀ BÀLAMÔN GIÁO*

HOÀNG THỊ THƠ**

Veda giáo, Bàlamôn giáo, Hindu giáo không phải là tên gọi ba tôn giáo khác nhau, hoàn toàn khác biệt, mà là những tên gọi của cùng một tôn giáo lớn nhất, lâu đời nhất của Ấn Độ, nhưng trong những thời kỳ khác nhau với chủ đích thần quyền hóa của đẳng cấp thống trị hay dân tộc hóa khác nhau. Đó là tình trạng “ba trong một” khi nói đến một trong những tên gọi đó, song không thể không liên hệ với các tên gọi khác của nó từ góc độ chính xác hóa mỗi tên gọi đó, trong lịch sử thực tiễn quan hệ tôn giáo với quyền lực nhà nước, qua tương tác với các tôn giáo khác (Phật giáo, Jaina giáo) ở Ấn Độ cũng như nhu cầu khẳng định lại vị thế tôn giáo dân tộc, vai trò tín ngưỡng truyền thống của người Ấn Độ.

Ấn Độ là đất nước của rất nhiều tôn giáo, cả tôn giáo hữu thần và tôn giáo vô thần, cả tôn giáo chính thống và không chính thống, cả tôn giáo nội sinh và ngoại nhập. Song, tôn giáo nền tảng đầu tiên, lâu đời nhất và căn bản nhất cho sự phát triển và phân chia nhánh phái hầu hết các tôn giáo Ấn Độ, hay tiếp nhận tôn giáo ngoại lai chính là Hindu giáo (*Hinduism*). Chẳng hạn, các tôn giáo được coi là chính thống hay không chính thống là do chấp nhận uy quyền tuyệt đối của *kính Veda* hay không(1). Các tôn giáo được coi là vô thần hay hữu thần cũng căn cứ vào việc tôn giáo đó tiếp tục khẳng định quyền năng chuyển hóa tuyệt đối của đẳng Phạm Thiên/ Đại ngã (như *Vaisesika*, *Mimansa*, *Nyaya*, *Yoga*) hay đề cao khả năng tự tạo, tự luận hồi và tự giải thoát của con người (như Phật giáo và Jaina giáo), hay khẳng định con người là hoàn toàn tự do tự tại

(như *Lokayata*)(2).

Thuật ngữ “Hindu giáo” không phải là sản phẩm riêng của người Ấn Độ, mà là kết quả giao lưu văn hóa và tôn giáo giữa hai nền văn hóa Đông - Tây. Khoảng thế kỷ XVI, các nhà truyền giáo phương Tây (Kitô giáo, Do Thái giáo, Islam/Muslim giáo) lần đầu tiên nói đến tín ngưỡng và tôn giáo ở Ấn Độ,

(*) Bài viết là một nội dung của chuyên đề “Lịch sử hình thành và giáo lý Hindu giáo” trong đề tài Cấp Bộ (2015 - 2016) về “*Tìm hiểu về Hindu giáo và Hindu giáo ở Việt Nam*” do TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh, Ban Quản lý Khoa học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam làm chủ nhiệm.

(**) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Đây là cơ sở mà người Ấn Độ đã phân chia 9 *dasanas* thành 6 *dasanas* chính thống (*Mimansa*, *Vedanta*, *Samkhya*, *Yoga*, *Nyaya*, *Vaisesika*) và 3 *dasanas* không chính thống (Phật giáo, Jaina giáo và *Lokayata*) (TG).

(2) Tuy không thừa nhận có đẳng cấp tạo song Phật giáo và Jaina giáo vẫn được coi là tôn giáo vì có giáo chủ, giáo lý, giáo luật và giáo đoàn, đặc biệt có đặc trưng cơ bản của một tôn giáo là cái linh thiêng (TG).

song chỉ như một thứ “ngoại đạo/ngoại giáo/tà đạo/vô đạo”(3). Đến thế kỷ XVIII thì từ *Hindu* bắt đầu được dùng trong tiếng Ba Tư với nghĩa chỉ tên con sông lớn Indus (Sanskrit: *Sindhu*), con sông đã bồi đắp nên nền văn minh đầu tiên rất vĩ đại của Ấn Độ(4). Khoảng thế kỷ XIX, ở phương Tây thuật ngữ “Hinduism” trong tiếng Anh được Max Muller(5) và John Woodroffe(6) sử dụng khi bàn về truyền thống văn hóa, tôn giáo và triết học của người Ấn Độ từ góc độ Đông phương học. Sang thế kỷ XIX, khoảng năm 1830, phong trào chống lại chủ nghĩa thực dân Anh giành độc lập dân tộc lại dùng thuật ngữ *Hinduism* để xây dựng bản sắc dân tộc Ấn Độ thống nhất. Việc sử dụng thuật ngữ này đã gây được ảnh hưởng lớn đến tinh thần tự tôn dân tộc của phong trào này. Về sau thuật ngữ *Hinduism* còn được dùng để chống lại các khuynh hướng ly khai ở Ấn Độ. Vì thế, *Hinduism* với nghĩa là *Hindu giáo* hay *Ấn Độ giáo* ngày càng trở nên thông dụng(7). Như vậy, từ góc độ Đông phương học, *Hinduism* không phải là danh hiệu tự xưng của một tôn giáo cụ thể ở Ấn Độ và cũng không có nghĩa là tất cả người Ấn Độ đều là tín đồ của cùng một tôn giáo. Từ *Hinduism* chỉ mang ý nghĩa chung về văn hóa, tín ngưỡng của người Hindu(8).

Trong lịch sử tín ngưỡng và niềm tin tôn giáo của người Ấn Độ, tên gọi *Hindu giáo* luôn có mối liên hệ với cả *Veda giáo* cổ và *Bàlamôn giáo* với tư cách là các giai đoạn khác nhau của cùng một tôn giáo chứ không phải là ba tôn giáo hoàn toàn tách biệt nhau. Có thể tạm gọi đó là tình trạng “ba trong

một”. Tuy nhiên, từ góc độ lịch sử hình thành và phát triển cụ thể của Hinduism, cần phải có sự phân biệt mỗi tên gọi để làm rõ hơn mối liên hệ giữa chúng với nhau.

Thứ nhất, tên gọi Veda giáo (Vedic religion) chỉ cội nguồn tôn giáo đầu tiên của các tôn giáo lớn ở Ấn Độ (gồm cả Phật giáo, Jaina giáo, Shik giáo) mà trong đó tôn giáo lớn nhất - Hindu giáo - là sự tiếp tục từ Veda giáo. Veda giáo là sự tập hợp tín ngưỡng ban đầu của tộc người Dravidian bản địa thuộc nền văn minh Thung lũng Ấn hà, khoảng 4000 - 2000 năm Tr.CN tới khi nền văn minh đó đạt tới cực thịnh, trước khi bị tộc người du mục Aryan từ phía Tây bắc tràn vào xâm lược và thống trị.

Gọi là “giáo”, song Veda giáo thực sự là một tập hợp tri thức đầu tiên, gần

(3) Ở phương Tây vào thế kỷ XVI, người ta bắt đầu nói về tín ngưỡng của người Ấn Độ song đó chỉ là các từ với nghĩa “Ngoại đạo/Ngoại giáo/Tà đạo/Vô đạo” được dùng trong các thứ tiếng như: Latinh: *Gentiles*; Bồ Đào Nha: *Gentio*; Anh: *Gentiles*; Hà Lan và Đức: *Heiden*... [Tham khảo: Axel Michaels (2004) *Hinduism - Past and Present*. Translated by Barbara Harshav. Princeton University Press. Princeton and Oxford. pp. 12-13].

(4) C.Scott Littleton. *Trí tuệ phương Đông*. Người dịch: Trần Văn Huân. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2003, tr.15.

(5) Tên đầy đủ là Friedrich Max Müller (6 December 1823 – 28 October 1900), một triết gia và nhà Đông phương học gốc Đức nhưng sinh ra và suốt cuộc đời nghiên cứu của mình ông sống ở Anh. Ông là một trong những người sáng lập ngành Ấn Độ học và ngành so sánh đối chiếu tôn giáo.

(6) Sir John George Woodroffe (1865 – 1936), còn có bút danh là Arthur Avalon, một nhà Đông phương học người Anh nổi tiếng với các tác phẩm về triết học Hindu và thực hành Yoga (TG).

(7) Gavin Flood. *An Introduction to Hinduism*. Cambridge University Press. Foundation Books, New Delhi, 1998.

(8) Gavin Flood *An Introduction to Hinduism*, Cambridge University Press, 1998, p.8.

như nguyên thủy của người Ấn Độ cổ, có tính nguyên sơ về tự nhiên, con người, xã hội... qua lăng kính tín ngưỡng thần bí của người Ấn Độ cổ(9). Nói cách khác, đó là những tri thức đầu tiên của con người nguyên thủy được hệ thống qua niềm tin tín ngưỡng. Do vậy, chữ "Veda" có nghĩa là "tri thức", "tri tuệ". Trong *Veda giáo* "Veda" được dùng để chỉ niềm tin và tri thức của người Ấn Độ cổ. Ngôn ngữ đó và tri thức đó của người Ấn Độ cổ được ghi lại thành bộ *Kinh Veda*.

Kinh Veda được cho là có từ rất sớm, cùng với sự phát triển nền văn minh Ấn Hà, và được sưu tập, biên soạn trong một thời gian dài, từ 1500 - 600 Tr.CN. Do vậy, *Veda giáo* không có giáo chủ (người sáng lập cụ thể), cũng không có tín điều (giáo lý, giáo luật) và hệ thống thứ bậc tập quyền (giáo hội, tầng đoàn) như các tôn giáo khác hay như Bàlamôn giáo về sau. Có thể hiểu *Veda giáo* như là giai đoạn nguyên thủy của Hindu giáo.

Thứ hai, tên gọi *Bàlamôn giáo* (*Brahminism*, khoảng 1000 Tr.CN - 500 SCN) xuất hiện muộn hơn tên gọi "Veda giáo". Bàlamôn giáo hình thành là kết quả của việc người Aryan từ vùng Trung Á xâm lược và thống trị người Dravidan, song bị đồng hóa ngược trở lại bởi chính văn hóa bản địa. Nhưng sau đó người Aryan đã cải biến *Veda giáo* của người Dravidan thành Bàlamôn giáo của riêng đẳng cấp Bàlamôn. Việc đổi tên thành Bàlamôn giáo gắn liền với việc đẳng cấp Bàlamôn được coi là đẳng cấp thần thánh chuyên nghề làm tế tự(10) có vị trí cao nhất, hơn cả đẳng cấp vua chúa. Bàlamôn tự

nhận là đẳng cấp thần thánh được sinh ra từ miệng đẳng Phạm Thiên (*Brahma*, còn gọi là Đại Ngã) và là đẳng cấp duy nhất có khả năng và truyền đạt chân ngôn của đại vũ trụ vừa nắm bắt được tế vi vũ trụ. Nhờ đó, đẳng cấp này có khả năng thông qua thực hiện hành vi tế lễ để liên thông với vũ trụ, hiểu và diễn đạt được chân lý tuyệt đối... Vì thế, Bàlamôn trở thành đẳng cấp có đặc quyền thần thánh cao nhất và giáo lý, giáo luật của Bàlamôn giáo đều ghi nhận và bảo vệ đặc quyền đó. Các *Kinh Veda*, *Phạm Thư* (*Brahmana*), *Áo Nghĩa Thư* (*Upanishad*), *Chi Tôn ca* (*Bhagavad Gita*)... đều ghi nhận câu chuyện về đẳng cấp Bàlamôn được sinh ra từ miệng của đẳng Phạm Thiên(11). Đẳng cấp Bàlamôn có đặc quyền đảm nhiệm và chuyên môn hóa việc tế lễ như một nghề đặc biệt chỉ do những người được sinh ra từ dòng tộc này thực hiện. Bàlamôn giáo quy định thành luật rằng nghề tế tự là một thứ quyền thế tập được độc quyền truyền thừa riêng cho những người sinh ra trong dòng tộc Bàlamôn. Tuy nhiên, nghĩa độc quyền này được cho là do giới giáo sĩ Bàlamôn thêm vào *Rig Veda* và *Luật Manu* ở giai đoạn Bàlamôn(12).

(9) Gavin Flood, *Sidd.*, p.11.

(10) Bàlamôn giáo coi tế tự như một khoa học xã lý mối tương quan giữa năng lực hữu hiệu trong quá trình tế lễ và quy luật vũ trụ (TG).

(11) *Rig-Veda* có chỗ ghi nhận bốn đẳng cấp được sinh ra từ cùng cơ thể của Thần Ngã (*Purusa*). Bà La Môn được sinh ra từ miệng; Sát Đế Lợi sinh ra từ tay; Phệ Xá sinh ra từ bắp vế; Thủ Đà La sinh ra từ chân (*Rig-Veda*, 10.90).

(12) Theo: *Textual Sources for the Studies of Hinduism*, bản dịch Wendy Doniger O'Flaherty, Manchester University Press, 1988, p.28.

Như vậy, có thể tạm hiểu tên gọi Balamôn giáo là vào giai cấp thống trị đã thần quyền hóa Veda giáo, biến nó thành độc quyền tôn giáo riêng của đẳng cấp Balamôn.

Thứ ba, tên gọi Hindu giáo (*Hinduism*) hay Tân - Balamôn giáo (*Neo-Brahmanism*) gắn liền với sự ra đời và phát triển các phong trào của Phật giáo, Jaina giáo với sự góp mặt của nhiều nhà tư tưởng ở Ấn Độ thế kỷ VI Tr.CN chống lại bất bình đẳng niềm tin tôn giáo và bất bình đẳng giai cấp khắc nghiệt của Balamôn giáo. Đặc biệt, khi Phật giáo xuất hiện, bằng học thuyết Duyên khởi và Vô ngã trên lập trường vô thần, bình đẳng tiến bộ hơn về niềm tin tôn giáo đã thực sự làm rõ hạn chế của Balamôn giáo, làm cho tôn giáo này mất đi tính thần quyền và vị thế của nó. Phật giáo mới đầu (thế kỷ VI Tr.CN) từ vị trí một tôn giáo không chính thống, đã dần khẳng định mình bằng triết lý bình đẳng niềm tin tôn giáo và thắng thế Balamôn giáo, trở thành quốc giáo dưới thời vua Asoka (268 - 232 Tr.CN) chỉ trong vòng 3 thế kỷ (13). Sau khi phải nhường vị thế quốc giáo cho Phật giáo, Balamôn giáo đã thực hiện cuộc chấn hưng, bảo tồn những giá trị tích cực từ Veda giáo, đồng thời tiếp thu các yếu tố tích cực của Phật giáo và Jaina giáo để khắc phục những hạn chế lớn đã khiến nó từng mất vị thế chính thống. Mặt khác, nhờ chính sách khoan dung tôn giáo của vua Asoka nên tuy không còn là quốc giáo, song Balamôn giáo không bị triệt hạ, bị loại trừ hay cấm đoán, mà tiếp tục phát triển như một tôn giáo

truyền thống của người Ấn Độ. Nhờ vậy, khoảng đầu Công nguyên, Balamôn giáo đã phục hưng trở lại, nhưng với tên gọi mới là *Hindu giáo*, tức Ấn Độ giáo, hàm nghĩa là tôn giáo của mọi người Hindu (tức người Ấn Độ) chứ không còn là tôn giáo riêng của đẳng cấp Balamôn như trước nữa.

Thời kỳ phục hưng này của Balamôn giáo còn được giới nghiên cứu gọi là *Tân - Balamôn giáo*. Tuy nhiên, sau khi Hindu giáo giành lại được vị thế chính thống, kèm theo nhiều nguyên nhân chính trị, kinh tế - xã hội, chiến tranh, ngoại xâm, bất khoan dung tôn giáo... thì Phật giáo gần như không tiếp tục tồn tại được ở Ấn Độ, mà lan nhanh sang các nước láng giềng rồi trở thành tôn giáo lớn của châu Á và phương Đông ngay từ đầu Công nguyên.

Quan hệ "ba trong một" giữa Hindu giáo cùng với Veda giáo và Balamôn giáo rất đặc biệt bởi vì chúng đều cùng chia sẻ hệ thống giáo lý cơ bản cũng như kinh sách gốc và nhiều biểu tượng thờ cúng và thánh lễ. Chẳng hạn:

* Về kinh sách gốc, Hindu giáo chia hệ thống kinh điển phong phú của nó thành hai loại chính là *Shruti* (được mặc khải) và *Smriti* (được thuộc lòng).

Shruti gồm: Kinh *Veda* (còn gọi *Thánh điển Veda* hay *Bản tập Veda* (tức *Samhitā*)); Kinh *Phạm Thư* (*Brahmana*) là cẩm nang lễ nghi, luận

(13) Xem thêm: Hoàng Thị Thơ: *Triết lý nhập thế của Phật giáo và "Cư trần lạc đạo" của Trần Nhân Tông*. Tạp chí Triết học, số 3/2014, tr.43-51 & *Đạo đức Phật giáo với đạo làm người*. Tạp chí Từ Quang, tập 14/2015 do Ty Kheo Thích Đồng Bôn chủ biên. Nxb Phương Đông, tr.170-179.

giải kinh *Veda*; Kinh *Sân lâm thư* (*Aryanka*); Kinh *Áo nghĩa thư* (*Upanishad*), tức các luận giải thần học và triết học về kinh *Veda*, cụ thể như sau:

- Kinh *Veda*, gồm 4 tập, tập hợp các bài thánh ca hay thần chú cổ, được gọi là *Tứ Veda*. Trong đó cổ nhất là *Rig Veda* (*Lê Câu Veda*)(14) với thời gian sáng tác, biên soạn chúng kéo dài khoảng từ giữa thiên niên kỷ II đến thế kỷ IV Tr.CN, được gọi là thời kỳ *Veda*(15). Tiếng Sanskrit của bản thảo *Veda* cổ nhất này đã trở thành nhân tố bản sắc truyền thống quan trọng góp phần tạo nên sự thống nhất văn hóa Ấn Độ từ rất sớm.

Tứ Veda gồm: *Rig Veda* (*Thánh ca thọ minh*) là sổ tay hướng dẫn sử dụng thánh ca, nghi thức tế lễ, cầu nguyện, thần chú trong các lễ hiến tế và kỹ năng thực hành thiền định cho các giáo sĩ; *Sāma Veda* (*Thánh ca bình minh*) là các tán ca dành cho nghi thức tế lễ khác nhau; *Yajur Veda* (*Thánh ca tự minh*) là trích đoạn từ *Sāma Veda* để sử dụng cho lễ hiến tế các thần như: Thần Soma, thần Agni, thần Lửa, thần Indra... nên còn gọi là *Veda của Tế tự*; và *Atharva Veda* (*Thánh ca thuật minh*) gồm thần chú, bùa phép và những yêu thuật. Mỗi *Veda* lại gồm 4 phần: *Mantras* (*Thần chú thư*), *Brāhmaṇa* (*Phạm thư*, còn gọi là *Tế nghi thư*), *Ārayakas* (*Sân lâm thư*, còn gọi là *A lan nhĩ thư*), và *Upaniṣads* (*Áo nghĩa thư*).

Kinh *Veda* và *Upanishad* thường được gọi gộp thành hệ thống *Veda - Upanishad*. Hindu giáo tin rằng thánh điển *Veda* không phải do con người sáng tác ra mà được khai thị cho các bậc hiền triết Bàlamôn rồi được truyền

miệng qua các đời cho đến ngày nay.

- Kinh *Phạm Thư* (*Brahmana*) được viết bằng văn xuôi, là phần luận giải nghĩa các kinh trong *Tứ Veda*. Đây cũng là giai đoạn phát triển cao của Bàlamôn giáo. Trong kinh nhiều chỗ khẳng định tầng lớp Bàlamôn có đặc quyền làm tế tự và có vị trí tối cao trong xã hội. Kinh *Phạm Thư* mang tính thần học cao, chủ yếu giải thích ý nghĩa sự linh thiêng trong các nghi lễ khác nhau, sắp xếp các chức năng cúng tế cho tầng lớp tăng lữ, quy định những nghi lễ và những hệ thống biểu tượng tâm linh.

- Kinh *Sân Lâm thư* (*Aryanka*) được phát triển tiếp tục từ kinh *Phạm Thư*, song đặc biệt chỉ dành cho những vị đạo sĩ Bàlamôn tu kín trong rừng sâu. Thay thế cho các kỹ thuật tế lễ, nội dung của *Sân Lâm Thư* chú trọng các kỹ thuật tập trung thiền định vào những biểu tượng tâm linh siêu việt. Các nghi thức tế lễ rườm rà dần được thay thế bởi các vấn đề suy nghiệm và tư duy triết học. Có lẽ *Sân Lâm thư* là giai đoạn chuẩn bị cho sự ra đời *Áo nghĩa thư* (*Upanishads*) với nội dung tập trung vào triết học Hindu giáo nói riêng và của triết học Ấn Độ nói chung(16).

(14) Ban đầu *Rig Veda* chỉ được lưu giữ bằng truyền khẩu, về sau nó mới được sưu tập và biên soạn thành văn bản (TG).

(15) Niên đại của *Veda* giáo có tính ước đoán dựa trên những chuẩn định khác nhau về tộc người cổ, hay ngôn ngữ cổ, hay biểu tượng, lễ nghi tôn giáo cổ của người Ấn Độ nên không thống nhất, và có độ chênh lệch rất lớn. Chẳng hạn, có ý kiến đẩy lên sớm hơn tới khoảng 4000-2000 năm Tr.CN.

(16) Tham khảo: S.Radhakrishnan (2009). *Indian Philosophy* (vol 1), second edition, Oxford India Paperbacks; Hà Thúc Minh. *Triết học phương Đông - triết học Ấn Độ*. Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 2002, tr.32-45.

- *Kinh Áo Nghĩa Thư (Upanishad)* là tập hợp những bộ luận, do giáo sĩ Balamôn triển khai giải thích các tư tưởng trong kinh *Veda* trên phương diện thần học và mang tính triết học cao. Tổng số khoảng hơn 200 *Upanishads*, với 10 cho đến 13 *Upanishads* cơ bản như: *Isha, Kena, Katha, Prasna, Mundaka, Mandukya, Taittiriya, Aitareya, Chandogya* và *Brhadaranyaka* (17). Đây là nội dung thần học và triết học uyên thâm, thể hiện tư tưởng có xu hướng nhất nguyên của Balamôn giáo.

Smriti gồm: Các thiên anh hùng ca (*Hindu epics*) như: *Ramayana, Mahabharata, Bhagavad Gita* (18); chuyện cổ tích, thần thoại (*Puranas*) (19); các luận giải về kinh sách gốc (*dharmaśāstra*) bàn nhiều về nguồn gốc thế giới, quy định về trật tự đẳng cấp xã hội, trách nhiệm đạo đức, về sự giải thoát của Hindu giáo.

Về giáo lý cơ bản, Hindu giáo quan niệm rằng: Vì con người bị ràng buộc trong vòng ngu dốt (vô minh) và huyền ảo (vô thường) nên tạo nhiều nghiệp quả (karma), cho nên phải chịu luân hồi (samsara). Nhưng con người vẫn có khả năng thoát khỏi luân hồi, nghiệp báo bằng con đường tu luyện để trở lại hòa nhập Atman với đấng Brahman bằng đạo đức, nghi lễ, tế tự thành kính. Balamôn giáo tin rằng khi còn bị ràng buộc bởi nghiệp thì không thể nhận biết được bản ngã (Atman) đích thực của mình cũng như Bản ngã Tuyệt đối (Brahman). Cách duy nhất để thoát khỏi chu kỳ này là Atman phải kết hợp được với Brahman theo đúng giáo pháp (*Dharma*), nguyên lý đạo đức (chính

đạo), đồng thời gỡ bỏ mọi ham muốn. Để đạt tới giải thoát (*Moksha*), con người có thể tu luyện theo phép yoga huyền bí, theo đuổi con đường tu khổ hạnh từ bỏ thế giới và đạt tới giải thoát. Đó cũng là triết lý "Ai biết chính mình sẽ biết Thượng Đế".

Trên cơ sở giáo lý nói trên, Hindu giáo phân chia xã hội theo chế độ luật chủng tính (*varna*) thành thứ tự 4 hạng người: Balamôn (Brahmin) là những giáo sĩ làm nghề tế tự, giữ quyền thống trị tinh thần, phụ trách mọi lễ nghi, cúng bái. Vì là đẳng cấp thần thánh, sinh ra từ miệng Phạm Thiên (Brahma) và có thể thay Phạm Thiên lãnh đạo tinh thần dân tộc Ấn Độ, nên họ được quyền ưu tiên và được tôn kính nhất; Sát Đế Lỵ (Kshatriya) là hàng vua chúa, quý tộc, sinh từ cánh tay của Phạm Thiên, nên thay mặt Phạm Thiên nắm giữ quyền hành thống trị xã hội; Vệ Xá (Vaisya) là những thương gia, chủ điền, sinh ra từ bắp đùi của Phạm Thiên, đảm đương về kinh tế (buôn bán, trồng trọt, sản xuất); Thủ Đà La

(17) *A Source Book in Indian Philosophy* (1989). Edited by Sarvepalli Radhakrishnan & Charles A. Moore. Princeton, New Jersey - Princeton University Press. USA, p.37. Chú ý thêm: Các *Upanishad* thuộc về *Shruti* (TG).

(18) *Ramayana* là thiên anh hùng ca về chiến công của thái tử Rama chiến thắng vua quỷ Ravana, dành lại công chúa Sita; *Mahabharata* là thiên anh hùng ca về cuộc chiến tranh giành ngai vua giữa hai dòng hoàng tộc; *Chí tôn ca (Bhagavad Gita)* là thiên anh hùng ca về cuộc đàm đạo giữa thần Krishna với Arjuna trước đêm xảy ra cuộc chiến tranh giành ngai vàng về nghĩa vụ, sứ mệnh cuộc đời và chiến tranh... (TG).

(19) Các *Puranas* có nội dung như: Giới thiệu tiểu sử các thần và vũ trụ; Ca tụng các thần. Khó xác định niên đại của *Purāṇas*. Có nhiều *Purāṇas*, nổi tiếng nhất là *Bhāgavata Purāṇa* (TG).

(Sudra) là nô lệ vì sinh từ gót chân của Phạm Thiên, nên làm khổ sai cho các giai cấp trên; Chiên Đà La (Pariah) là tiện dân, bị các giai cấp trên đối xử như thú vật, vô cùng khổ nhục(20).

Hindu giáo quan niệm đời người có 4 mục đích quan trọng: Dharma (hoàn thành các nghĩa vụ luân lý, luật pháp và tôn giáo); Artha (mưu sinh và thành đạt trong xã hội); Kama (thỏa mãn các ham muốn (dục vọng) nhưng biết tiết chế và điều độ); Moksa (giải thoát khỏi vòng luân hồi) bằng cách giải trừ hết các nghiệp (karma) vì khi chết mà vẫn còn nghiệp thì phải chịu tái sinh vào kiếp sau ở thế gian, tức là luân hồi (samsara)(21).

Từ đó, Hindu giáo chia trách nhiệm và nghĩa vụ đời người thành 4 giai đoạn (ashramas) tương đương như: Môn sinh (brahmacharya) khoảng 8 - 12 tuổi phải tập trung học đạo và phục vụ vị thầy tâm linh (guru) của mình; Trưởng giả (grhastha) sau khi lập gia đình, phải có trách nhiệm gây dựng gia sản, sinh con nối dõi, thực hiện các nhiệm vụ xã hội và tôn giáo như bố thí, các lễ nghi tôn giáo...; ẩn sĩ (vanaprastha) khi đã có tóc bạc và có cháu nối dõi thì rút lui khỏi cuộc sống tấp nập, tập trung chuẩn bị cho bản thân vào giai đoạn giải thoát; Tu khổ hạnh để đạt tới giải thoát (Sargasu), đòi hỏi rũ bỏ hết dục vọng, quay trở về làm trong sạch Bản ngã để tìm kiếm Giải thoát (moksa)(22).

Chuẩn mực đạo đức của Balamôn giáo là: Ghi nhớ 3 trọng ân (ơn đấng Phạm Thiên, ơn thầy, ơn tổ tiên); Cân bằng 3 phương diện là phụng sự (karmamarga), trí tuệ/minh triết

(jnanamarga), sùng tín (bhaktimarga); Thực hiện 10 giới răn: Không sát sinh (ahimsa); không nói dối (satya); không trộm cắp (asteya); biết kiểm chế dục vọng và ham muốn (brahmacharya); không tham lam (aparigraha); sạch sẽ, tinh khiết (saucha); biết bằng lòng (santosh); kỷ luật với bản thân (tapas); phải học tập (svadhyaya); vâng phục mệnh trời (ishvara pranidhana). Nhiều nội dung và yếu tố đạo đức, triết lý đời người của Hindu giáo là sự tiếp tục từ Veda giáo, và đồng thời được các tôn giáo khác ở Ấn Độ cùng chia sẻ và bảo tồn, phát triển cho đến ngày nay.

* Về thánh lễ, Hindu giáo thực hiện nhiều thánh lễ như: Lễ Mahashivarati (giữa tháng 2) tôn thờ thần Shiva; Lễ Holi (trong mùa xuân) là lễ hội màu sắc; Lễ Ramnavami (cuối tháng 3) kỷ niệm ngày sinh của thần Ram; Loạt lễ Navaratri, Dussehra, và Durga Puja (10 ngày liên tục trong đầu tháng 11), vừa tôn vinh nữ thần Navaratri, vừa kỷ niệm chúa Rama chiến thắng quỷ Ravana, đồng thời kỷ niệm chiến thắng của nữ thần Durga đối với trâu quỷ Mahishasura; Lễ Diwali (giữa tháng 11) là lễ ánh sáng với nến đèn, đốt pháo trong 3 giờ liền để kỷ niệm thời khắc chúa Ram đưa vợ là nàng Sita hồi gia. Đến nay nhiều nghi lễ này vẫn được duy trì với tư cách là bản sắc văn hóa, tôn giáo của người Hindu nói riêng và của Ấn Độ nói chung.

(20) Có tài liệu còn ghi rằng ba đẳng cấp đầu có thể tái sinh, còn hai đẳng cấp dưới cùng không được quyền tái sinh (TG).

(21) C.Scott Littleton. *Sdd.*, tr.45.

(22) C.Scott Littleton. *Sdd.*, tr.40-42.

* Về biểu tượng thờ cúng. Hindu giáo thờ rất nhiều thần (đa thần), song ngay từ Veda giáo đã có xen lẫn mầm móng quan niệm nhất thần và xu hướng này ngày càng tăng tiến. Chẳng hạn, trong kinh *Brhadaranyaka Upanishad* khi được hỏi có bao nhiêu thần, hiền triết Yajñavalkya đã trả lời không rõ ràng: Lúc đầu là 303, rồi lại có thể là 3.003, song có lúc lại là 33, 6, 3, 2, 1½ và cuối cùng lại chỉ là 1 thần Brahman (23). Song, nói chung có một số thần cơ bản chung cho cả Veda giáo, Balamôn giáo và Hindu giáo như:

* Thần Phạm Thiên - *Brahma* được coi là Đấng Sáng tạo toàn năng của tất cả mọi thứ, cả vật chất và tinh thần của vũ trụ, gồm cả các khái niệm (trừu tượng) giúp cho loài người hiểu biết được vũ trụ đó. Thần cũng là đấng sáng tạo ra các thần và lẽ lái cả vũ trụ.

* Thần Sấm sét - *Indra* làm ra sấm và mưa, quyết định may rủi cho mùa màng. Đây còn là vị thần chiến thắng, che chở và đem lại may mắn cho các chiến binh. Biểu tượng vũ khí quyền năng của thần *Indra* là tia chớp, kim cương (*vadja*).

* Thần Lửa - *Agni* bảo trợ cho nghề luyện, đồng thời làm trung gian giữa thế giới của thần với thế giới của người. Người Ấn Độ quan niệm các đồ hiến tế cũng như các thánh ca đều phải nhờ qua ngọn lửa như một nghi thức để tới được các vị thần. Thần còn gắn liền với quyền năng ban phúc, lộc, thọ (tức sinh con nối dõi, sự thịnh vượng, sống lâu) cho con người.

* Thần Mặt trăng - *Soma* là biểu tượng về sự phối thai chuẩn bị cho sự tái

sinh, sinh trưởng và nuôi dưỡng. *Soma* còn là tên gọi nguồn thức uống tinh khiết vĩnh hằng dùng để dâng cúng cho các vị thần linh khác trong các lễ tế (24).

* Thần Mặt trời - *Savitar* là biểu tượng quyền năng của sức sống, sức sáng tạo vũ trụ, với hình tượng của thần có tay, chân, tóc, trang phục đều màu vàng và bằng vàng. Thần *Savitar* có nhiều tay dài vươn tới khắp mọi nơi trong bầu trời và thức tỉnh mọi sinh thể.

* Thần Gió - *Varuna* có chức năng bảo vệ luật Rita (luật toàn năng của vũ trụ) (25) và cai quản cả bầu trời bao la trên cao, nơi có thần Mặt trời làm ra ánh sáng và soi sáng trái đất và thần Mặt trăng tỏa dòng chảy tới các con sông rồi đổ về biển và làm nên những cơn mưa tưới mát đồng ruộng... Thần có y phục quyền uy là bầu trời cao xanh thẳm.

Tóm lại, mối quan hệ "ba trong một" này của Hindu giáo đôi khi cũng gây lúng túng và khó hiểu hoặc hiểu nhầm khi nghiên cứu, giảng dạy về Veda giáo, Balamôn giáo và Hindu giáo của Ấn Độ. Việc tìm hiểu Hindu giáo trong mối quan hệ đặc biệt này với Veda giáo, Balamôn giáo sẽ giúp hiểu được bản chất của Hindu giáo và thực chất mối quan hệ giữa chúng. Đây không phải là 3 tôn giáo khác biệt, mà là những tên gọi của cùng một tôn giáo lớn nhất, lâu đời nhất của Ấn Độ, ở đó mỗi tên gọi gắn với những thời kỳ khác nhau, với chủ đích thần quyền hóa của đẳng cấp thống trị, hay dân tộc hóa của Ấn Độ. □

(23) Gavin Flood, *Sđđ.*, p.44.

(24) Gavin Flood, *Sđđ.*, p.44.

(25) Luật Rita là đạo trời, thiên lý, trật tự điều hành vũ trụ trong quan niệm của người Ấn Độ (TG).